

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TASECO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5.1.7./2026/CBTT-AST

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO

- Mã chứng khoán: AST

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, khu Đoàn Ngoại Giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 – 3587 6683

- Fax: 024 – 3587 6678

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco công bố thông tin Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) nhiệm kỳ 2022 – 2027, để thực hiện bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 đến hết thời gian thực hiện đề cử, ứng cử là 17 giờ 00 phút ngày 20/10/2026, gồm có:

Danh sách ứng cử viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn
1	Tomohiro Ota	1979	Cử nhân Kinh tế
2	Hishahi Teshigahara	1978	Thạc sĩ, Cử nhân Kỹ thuật

(Kèm theo Sơ yếu lý lịch của các ứng viên)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào ngày 21/10/2026 tại đường dẫn: <https://tasecoairs.vn/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *ll*

Tài liệu đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền công bố thông tin

Phó Tổng Giám đốc *✓*



Nguyễn Xuân Bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CURRICULUM VITAE

Họ và tên/ Full name: TOMOHIRO OTA

Chức vụ hiện tại/ Current position: Manager, Sojitz Corporation

Ứng cử viên: Thành viên Hội đồng quản trị/ Candidate for: Member of the Board of Directors

1. **Họ và tên/ Full name: TOMOHIRO OTA**

2. **Giới tính/ Gender: Nam/Male**

3. **Ngày sinh/ Date of birth**

4. **Nơi sinh/ Place of birth: Nhật Bản/Japan**

5. **CC/CCCD/HC số/ ID Card/Citizen ID Card/Passport No.:**

**Cấp tại/ Issued at Nhật Bản/Japan ngày/ on: Đại sứ quán Nhật Bản tại Philipin
/EMBASSY OF JAPAN IN THE PHILIPPINES**

6. **Quốc tịch/ Nationality: Nhật Bản/Japan**

7. **Dân tộc/ Ethnicity: Nhật Bản/Japanese**

8. **Địa chỉ thường trú/ Permanent address:**

9. **Số điện thoại/ Phone number:**

10. **Địa chỉ email/ Email address:**

11. **Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications:**

12. **Quá trình công tác/ Work experience:**

04/2002: Gia nhập Nichimen Corporation, Phòng Kế toán/Joined Nichimen Corporation, Accounting Dept.

04/2004: Sojitz Corporation, Phòng Thực phẩm/Sojitz Corporation, Foodstuffs Dept.

09/2011: Sojitz Corporation of America, Chi nhánh Portland/Sojitz Corporation of America, Portland Branch

11/2014: Sojitz Corporation, Phòng Ngũ cốc và Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi/Sojitz Corporation, Grain & Feed Material Dept.

02/2018: Sojitz Asia Pte Ltd., Giám đốc Phòng Thực phẩm/Sojitz Asia Pte Ltd., General Manager, Foodstuffs Dept.

07/2019: Sojitz Asia-Pacific Trading Inc., Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc/Sojitz Asia-Pacific Trading Inc., President & CEO

07/2023: Sojitz Corporation, Văn phòng Đổi mới Kinh doanh/Sojitz Corporation, Business Innovation Office

04/2025: Sojitz Corporation, Quản lý, Văn phòng Đổi mới Kinh doanh/Sojitz Corporation, Manager, Business Innovation Office

04/2026– nay/present: Sojitz Corporation, Quản lý, Khối Dịch vụ Bán lẻ và Tiêu dùng, Phòng Kinh doanh Bán lẻ số 2/Sojitz Corporation, Manager, Retail & Consumer Service Division, Retail Business Dept. 2

13. Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco/ *Current position at Taseco Air Services Joint Stock Company*: NA
14. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions currently held in other organizations*:
 - **Giám đốc/Director tại Tsutaya Books Malaysia Sdn. Bhd.**
 - **Giám đốc/Director tại Royal Sojitz Vietnam Company Limited**
 - **Giám đốc/Director tại Sojitz Royal Café Corporation**
15. Số lượng cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: **7.463.580** cổ phần/shares chiếm/ *representing* **13,82%** vốn điều lệ/ *of the charter capital*, trong đó/ *of which*:
 - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Held as representative of (name of the organization: the State/strategic shareholder/other organization)*: **Sojitz Corporation**
 - + Cá nhân sở hữu/ *Personally held*: **0** cổ phần/shares chiếm/ *representing* **0%** vốn điều lệ/ *of the charter capital*.
16. Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Shareholding commitments (if any)*: NA
17. Danh sách người có liên quan của người khai/ *List of related persons of the declarant*: **Như đính kèm/as attached**
18. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Related interests in the public company or public fund (if any)*: NA
19. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflicting interests with the public company or public fund (if any)*: NA

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I hereby certify that the above statements are true and correct. Should any of them prove false, I shall bear full responsibility before the law.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

I hereby undertake to perform my duties honestly if elected as a member of the Board of Directors.

Japan/Nhật Bản, ngày/ dated 20 tháng/ month 10 năm/ year 2026

Người khai/ Declarant

(ký tên, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

太田 智博

Tomohiro Ota

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN LIST OF RELATED PERSONS

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passp ort/ Giấy ĐKKD) Type of documents(I D/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Đ ịa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason s (when arising change s related to section s of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	AST	Tomohiro Ota		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	Người nội bộ	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%				
2	AST	Satoko Ota	N/A	Không có/NA	Vợ/Wife	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/202 6			
3	AST	Itsuki Ota	N/A	Không có/NA	Con đẻ/ Biological children	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/202 6			
4	AST	Iori Ota	N/A	Không có/NA	Con đẻ/ Biological	Hộ chiếu/Passport			JPN		0	0%	06/11/202 6			

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passp ort/ Giấy ĐKKD) Type of documents(I D/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Đ ịa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason s (when arising change s related to section s of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
5	AST	Katsumi Ota	N/A	Không có/N/A	Bố đẻ/ Biological father	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/202 6			Đã già và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports
6	AST	Kiyomi Ota	N/A	Không có/N/A	Mẹ đẻ/ Biological mother	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/202 6			
7	AST	Yasushi Yoneyama	N/A	Không có/N/A	Bố vợ/ Father in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/202 6			Đã già và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports
8	AST	Keiko Yoneyama	N/A	Không có/N/A	Mẹ vợ/ Mother in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/202 6			
9	AST	Sojitz Corporation	009FCB80 96	Không/N/A	Người nội bộ là TV HQQT không điều hành/ Insider who is a non-	Chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/Securities trading code			VSD		14.927.1 60	27,64%	06/11/202 6			

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CURRICULUM VITAE

Họ và tên/ Full name: HISASHI TESHIGAHARA

Chức vụ hiện tại/ Current position: General Manager, Sojitz Corporation

Ứng cử viên: Thành viên Hội đồng quản trị/ Candidate for: Member of the Board of Directors

1. **Họ và tên/ Full name: HISASHI TESHIGAHARA**

2. **Giới tính/ Gender: Nam/Male**

3. **Ngày sinh/ Date of birth:**

4. **Nơi sinh/ Place of birth: Nhật Bản/Japan**

5. **HC số/ Passport No.:**

Cấp tại/ Issued at Nhật Bản/JAPAN ngày/ on:

6. **Quốc tịch/ Nationality: Nhật Bản/JAPAN**

7. **Dân tộc/ Ethnicity: Nhật Bản/Japanese**

8. **Địa chỉ thường trú/ Permanent address:**

9. **Số điện thoại/ Phone number:**

10. **Địa chỉ email/ Email address:**

11. **Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications: Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Yokohama (tháng 3/2003); Bằng Cử nhân Kỹ thuật, Đại học Quốc gia Yokohama (tháng 3/2001)/Master's degree, Yokohama National University Graduate School (Mar 2003); Bachelor of Engineering, Yokohama National University (Mar 2001)**

12. **Quá trình công tác/ Work experience:**

04/2003: Gia nhập Nichimen Corporation (hiện nay là Sojitz Corporation)/Joined Nichimen Corporation (currently Sojitz Corporation)

07/2007: Được biệt phái sang New Real Creation Co., Ltd./Seconded to New Real Creation Co., Ltd.

04/2010: Sojitz Corporation, Phòng Quản lý Đầu tư/ *Sojitz Corporation, Investment Management Department*

04/2014: Được biệt phái sang Sojitz Asia/*Seconded to Sojitz Asia*

04/2017: Sojitz Corporation, Phòng Quản lý Đầu tư, đồng thời kiêm nhiệm tại Sojitz Retail Management /*Sojitz Corporation, Investment Management Department, concurrently assigned to Sojitz Retail Management*

03/2022: JALUX Inc. (Tokyo), Giám đốc Điều hành/*JALUX Inc. (Tokyo), Executive Officer*

04/2026 – nay/present: Sojitz Corporation, Tổng Giám đốc Phòng Kinh doanh Bán lẻ II, Khối Bán lẻ & Dịch vụ Tiêu dùng/*Corporation, General Manager, Retail Business Department II, Retail & Consumer Service Division.*

13. Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco/ *Current position at Taseco Air Services Joint Stock Company: NA*
14. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Positions currently held in other organizations:*
 - **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Corporation**
 - **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Fashion Co., Ltd.**
 - **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Commercial Development Corporation**
 - **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Locust Inc.**
 - **TV HĐQT không điều hành/Non-Executive Director tại Sojitz Royal Inflight Catering Co., Ltd.**
 - **Giám đốc/Director tại SUSHI-TEN USA Inc.**
15. Số lượng cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held: 7.463.580* cổ phần/shares chiếm/ *representing 13,82%* vốn điều lệ/ *of the charter capital*, trong đó/ *of which:*
 - + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/ *Held as representative of (name of the organization: the State/strategic shareholder/other organization): Sojitz Corporation*
 - + Cá nhân sở hữu/ *Personally held: 0* cổ phần/shares chiếm/ *representing 0%* vốn điều lệ/ *of the charter capital.*
16. Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Shareholding commitments (if any):NA*
17. Danh sách người có liên quan của người khai/ *List of related persons of the declarant: Như đính kèm/as attached*

18. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Related interests in the public company or public fund (if any)*: NA
19. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflicting interests with the public company or public fund (if any)*: NA

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I hereby certify that the above statements are true and correct. Should any of them prove false, I shall bear full responsibility before the law.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

I hereby undertake to perform my duties honestly if elected as a member of the Board of Directors.

Japan/Nhật Bản, ngày/ dated 20 tháng/ month 10 năm/ year 2026

Người khai/ Declarant

(ký tên, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)



Hisashi Teshigahara

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

LIST OF RELATED PERSONS

Stt No.	Mã CK Ticker	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relation to the company/ insider	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/Giấy ĐKKD) Type of ownership document (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) Ownership document No. (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at period end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Holding ratio at period end	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Date of becoming a related person of the company/ insider	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Date of ceasing to be a related person of the company/ insider	Lý do (khi thay sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason (upon changes relating to items 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding absence of ownership document No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	AST	Sojitz Corporation	009FCB8096	Không có/NA	Người nội bộ là TV HDQT không điều hành	Chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán/Securities trading code			VSD		14.927.160	27,64%	06/11/2026			
2	AST	Sukeaki Teshigahara	N/A	Không có/NA	Bố đẻ/ Biological father	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			Đã gia và không có hộ chiếu /They are elderly and do not have passports
3	AST	Tomoko Teshigahara	N/A	Không có/NA	Mẹ đẻ/ Biological mother	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
4	AST	Yuji Inukai	N/A	Không có/NA	Bố vợ/ Father in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
5	AST	Syuko Inukai	N/A	Không có/NA	Mẹ vợ/ Mother in law	N/A	N/A	N/A	JPN		0	0%	06/11/2026			
6	AST	Izumi Teshigahara	N/A	Không có/NA	Vợ/Wife	Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			
7	AST	Mizuki Teshigahara	N/A	Không có/NA	Con gái/ Daughter (Minor)	Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			
8	AST	Nazuna Teshigahara	N/A	Không có/NA	Con gái/ Daughter (Minor)	Passport			JPN		0	0%	06/11/2026			